

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAKRÔNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày: 05-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thuận.
2. Ông Nguyễn Văn Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2020/TLST - HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 4 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày: 01/02/1985 tại huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Kim Th; có chồng là Đỗ Khắc N và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt phạm tội quả tang từ ngày 05/01/2020 đến ngày 06/01/2020 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Thị P, sinh ngày: 03/8/1987 tại huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Kim Th; có chồng là Đoàn Khánh Th và có 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt phạm tội quả tang từ ngày 05/01/2020 đến ngày 14/01/2020 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” cho đến nay. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Đỗ Khắc N, sinh năm: 1986. Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/01/2020, khi Nguyễn Thị T đến khu vực chợ Tân Long, huyện Hướng Hóa thì gặp một người đàn ông (không xác định được lai lịch) thuê vận chuyển pháo về huyện Cam Lộ để nhận tiền công nên T đồng ý và về nói lại Nguyễn Thị P là em gái cùng tham gia. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74H1 – 057.94 chở P nhận 01 ba lô màu đỏ đen (bên trong có chứa 04 hộp pháo, bên ngoài vỏ hộp có in hoa văn nhiều màu sắc, ký hiệu A8504, bên trong hộp có 49 ống hình trụ được liên kết với nhau) và 01 bao gai màu xanh (bên trong chứa 03 hộp giấy, bên ngoài vỏ hộp có in hoa văn nhiều màu sắc, ký hiệu C0833, bên trong có 36 ống hình trụ được liên kết với nhau). Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, khi cả hai cùng vận chuyển đến Km 38 + 200 quốc lộ 9 thuộc địa phận thôn Phú An, xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị thì bị tổ Công tác của Công an huyện Đakrông phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại Kết luận giám định số 98/KLGD - PC09 ngày 10/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: Mẫu vật được niêm phong trong thùng giấy các tông gửi đến giám định là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng là 11.15kg.

Hoàn lại đối tượng sau giám định được niêm phong trong thùng giấy các tông, ký hiệu T bên trong có 03 (ba) hộp pháo bên ngoài vỏ có ký hiệu A8504 và 02 (hai) hộp pháo bên ngoài vỏ có ký hiệu C0833, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của “*Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị*”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị P đều phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị P; Riêng bị cáo Nguyễn Thị T được áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 08 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 06 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiêu hủy số lượng pháo nổ còn lại sau

giám định được niêm phong trong thùng giấy các tông có ký hiệu T bên trong có 03 (ba) hộp pháo bên ngoài vỏ có ký hiệu A8504 và 02 (hai) hộp pháo bên ngoài vỏ có ký hiệu C0833, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của “*Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị*” và 01 (một) ba lô màu đỏ, đen đã qua sử dụng; 01 (một) bao gai màu xanh kích thước (98 x 58) cm; 01 (một) áo khoác màu xám có hoa văn, có chữ TEENAGE và 01 (một) áo khoác trẻ em màu đỏ đen, bên trên có chữ CONVERSE.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản xe mô tô biển kiểm soát 74H1 – 057.94 màu sơn trắng đen, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, số khung 5236CY468353, số máy C52E – 5125627.

Trả lại cho anh Đỗ Khắc N $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản xe mô tô biển kiểm soát 74H1 – 057.94 màu sơn trắng đen, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, số khung 5236CY468353, số máy C52E – 5125627, giấy chứng đăng ký mô tô là đồng sở hữu xe mô tô trên với bị cáo T.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về kết luận giám định của Phòng PC09 Công an tỉnh Quảng Trị nêu trên, đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Khắc N thừa nhận chiếc xe mô tô nói trên là của vợ chồng anh, là tài sản chung của vợ chồng với công sức đóng góp là ngang nhau, anh đồng ý với giá trị của chiếc xe là 9.000.000đồng. Khi bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội anh không biết nên có nguyện vọng được nhận lại tài sản để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt vì đó là phương tiện đi lại duy nhất của cả gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị P trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 05/01/2020, kết luận giám định, Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Ngày 05/01/2020, các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị P đã có hành vi vận chuyển 04 hộp pháo, bên ngoài vỏ hộp có in hoa văn nhiều màu sắc, ký hiệu A8504, bên trong hộp có 49 ống hình trụ được liên kết với nhau và 03 hộp pháo, bên ngoài vỏ hộp có in hoa văn nhiều màu sắc, ký hiệu C0833, bên trong có 36 ống hình trụ được liên kết với nhau có đầy đủ đặc tính của pháo nổ với tổng khối lượng là 11.15kg từ một người đàn ông (không xác định được lai lịch) tại xã Tân Long, huyện Hướng Hóa đưa về huyện Cam Lộ, để nhận tiền công vận chuyển.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi vận chuyển 11.15kg pháo nổ của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với loại hàng hoá là pháo nổ thuộc hàng cấm và có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Vận chuyển hàng cấm*” với tình tiết định khung “*Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên.

Xét vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên các bị cáo là đồng phạm trong vụ án nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Thị T là người trực tiếp giao dịch việc vận chuyển. Bị cáo T cũng tham gia tích cực như trực tiếp điều khiển xe và sử dụng xe mô tô của vợ chồng trong việc vận chuyển pháo. Bị cáo Nguyễn Thị P chỉ tham gia với vai trò thấp hơn nên áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo P.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T khi phạm tội là phụ nữ có thai (BL 40, 41) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện

Đakrông, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục, răn đe các bị cáo là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Hiện các bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú; Vì vậy cần tiếp tục thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Số lượng pháo nổ còn lại sau giám định được niêm phong trong thùng giấy các tông có ký hiệu T bên trong có 03 (ba) hộp pháo bên ngoài vỏ có ký hiệu A8504 và 02 (hai) hộp pháo bên ngoài vỏ có ký hiệu C0833, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của “*Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị*” là hàng cấm lưu hành và 01 (một) ba lô màu đỏ, đen đã qua sử dụng; 01 (một) bao gai màu xanh kích thước (98 x 58) cm; 01 (một) áo khoác màu xám có hoa văn, có chữ TEENAGE và 01 (một) áo khoác trẻ em màu đỏ đen, bên trên có chữ CONVERSE là vật không có giá trị nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô BKS: 74H1 – 057.94 màu sơn trắng đen, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, số khung 5236CY468353, số máy C52E – 5125627 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 74H1 – 057.94 mang tên Nguyễn Thị T, thấy: Bị cáo T và chồng của bị cáo là anh Đỗ Khắc N thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo hình thành trong thời kỳ hôn nhân, khi bị cáo T dùng vận chuyển pháo thì anh N là chồng của bị cáo không biết. Tại phiên tòa, bị cáo T và anh N thống nhất công sức đóng góp của vợ chồng tạo lập được tài sản là chiếc xe mô tô của mỗi người là $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô là phần giá trị tài sản của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, bị cáo T và anh N đều đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình để tịch thu nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô là phần công sức đóng góp của bị cáo là có căn cứ.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho anh Nam chiếc xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô 74H1 – 057.94 mang tên Nguyễn Thị T.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông thuê các bị cáo vận chuyển pháo từ xã Tân Long, huyện Hướng Hóa về huyện Cam Lộ. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị P; Riêng bị cáo Nguyễn Thị T được áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 59 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị P đều phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/5/2020).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/5/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị P cho Ủy ban nhân dân xã Tân Long, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Long, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy số lượng pháo nổ còn lại sau giám định được niêm phong trong thùng giấy các tông, có ký hiệu T bên trong có 03 (ba) hộp pháo bên ngoài vỏ có ký hiệu A8504 và 02 (hai) hộp pháo bên ngoài vỏ có ký hiệu C0833, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của

“Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị” và 01 (một) ba lô màu đỏ, đen đã qua sử dụng; 01 (một) bao gai màu xanh kích thước (98 x 58) cm; 01 (một) áo khoác màu xám có hoa văn, có chữ TEENAGE; 01 (một) áo khoác trẻ em màu đỏ đen, bên trên có chữ CONVERSE.

Tịch thu và buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị 01 (một) xe mô tô BKS: 74H1 – 057.94 màu sơn trắng đen, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, số khung 5236CY468353, số máy C52E – 5125627 (tương ứng số tiền là 4.500.000đồng theo Kết luận Hội đồng định giá tài sản ngày 06/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đakrông (BL 143)) là phần tài sản bị cáo Nguyễn Thị T được hưởng.

Trả lại cho anh Đỗ Khắc N 01 (một) xe mô tô BKS: 74H1 – 057.94 màu sơn trắng đen, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, số khung 5236CY468353, số máy C52E – 5125627 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 74H1 – 057.94 mang tên Nguyễn Thị T.

Vật chứng hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị quản lý và có đặc điểm được mô tả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/4/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đakrông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

3. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/5/2020).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Đakrông;
- Cơ quan CSĐT Công an Đakrông;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS huyện Đakrông;
- Cơ quan THAHS huyện Đakrông;
- UBND xã Tân Long, huyện Hướng Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án. Tổ HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Tiến